**TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

***PGS. TS. Nguyễn Trúc Lê và nhóm Tư vấn Chính sách,***

***Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN***

**Tóm tắt**

Đại dịch Covid-19 đã gây tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó, các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhóm doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh sau đại dịch đã được Đảng và Nhà nước triển khai liên tục và kịp thời trong thời gian vừa qua. Các chính sách này đã có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy xu hướng phục hồi tính cực của các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, bảo đảm nguồn cung tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, không phải tất cả các chính sách đều có hiệu quả và tác động nhanh chóng đến doanh nghiệp. Nhiều chính sách tốt nhưng điều kiện quá bất cập, doanh nghiệp khó thụ hưởng; các thủ tục hành chính còn rườm rà, nhiều giấy phép con liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp. Bài viết sẽ trình bày những đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung vào nhóm nhiệm vụ liên quan tới Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, từ đó làm rõ các nguyên nhân gây ra những vướng mắc khi triển khai và đưa ra các đề xuất, giải pháp để cải thiện tình hình triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội trên toàn quốc.

*Từ khóa: Covid-19, doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ, phục hồi, phát triển.*

**I. Bối cảnh chung**

Trước tình hình thế giới và khu vực tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường và đại dịch Covid-19 được coi như một cú sốc để kiểm tra sức chịu đựng của nền kinh tế nói chung và từng doanh nghiệp nói riêng. Các doanh nghiệp đối mặt với rất nhiều khó khăn do hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ngưng trệ, chuỗi cung ứng gián đoạn, sức mua từ khách hàng giảm sút do cả khách hàng cá nhân lẫn khách hàng tổ chức đều thắt chặt chi tiêu. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhóm doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh sau đại dịch đã được Đảng và Nhà nước triển khai liên tục và kịp thời trong thời gian vừa qua. Tính đến tháng 8/2022, Chính phủ, các Bộ, cơ quan đã chủ động, nỗ lực xây dựng và ban hành 15/17 văn bản cụ thể hóa các chính sách tại Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình.

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo xu hướng phục hồi tính cực của các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, bảo đảm nguồn cung tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 8 tháng năm 2022 đạt gần 150 nghìn doanh nghiệp, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2021; chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 8 tháng tăng 9,4% so với cùng kỳ, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,4%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 8 tháng ước tăng 19,3% so với cùng kỳ; khách quốc tế 8 tháng đạt hơn 1,4 triệu lượt, gấp 12,7 lần cùng kỳ năm 2021. Những con số kể trên phần nào đó biểu thị niềm tin mạnh mẽ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vào các chính sách ổn định vĩ mô và phục hồi kinh tế tại nước ta. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam cũng đã ban hành các chính sách hỗ trợ thông qua giảm nhẹ nghĩa vụ tài chính, tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng và đảm bảo khả năng duy trì sản xuất cho doanh nghiệp. Trong các chính sách ứng phó và hồi phục kinh tế, chính sách ưu đãi thuế luôn được cân nhắc đầu tiên do tác động trực tiếp và nhanh chóng.

Tuy nhiên, không phải tất cả các chính sách đều có hiệu quả và tác động nhanh chóng đến doanh nghiệp. Nhiều chính sách tốt nhưng điều kiện quá bất cập, doanh nghiệp khó thụ hưởng; các thủ tục hành chính còn rườm rà, nhiều giấy phép con liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp. Bài tham luận sẽ trình bày những đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung vào nhóm nhiệm vụ liên quan tới Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, từ đó làm rõ các nguyên nhân gây ra những vướng mắc khi triển khai và đưa ra các đề xuất, giải pháp để cải thiện tình hình triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội trên toàn quốc.

**II. Nội dung Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

Ngày 30/1/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30-1-2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình. Tổng quy mô hỗ trợ lên tới gần 350.000 tỷ đồng, chia thành 4 nhóm giải pháp, trong đó, quy mô của các giải pháp thuộc nhóm chính sách tài khóa lên tới 237.650 tỷ đồng, chiếm 68,53%, các giải pháp thuộc chính sách tiền tệ là 46.000 tỷ đồng, tương đương 13,26%, các giải pháp thuộc nhóm chính sách an sinh xã hội là 53.150 tỷ đồng, tương ứng 15,55%, và cuối cùng là các giải pháp khác là 10.000 tỷ đồng, tương ứng 2,88% tổng giá trị của chương trình.

**Bảng 1: Cơ cấu, quy mô Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chính sách** | **Nghìn Tỷ** | **Cơ cấu** | **% GDP đồng 2021** |
| **Chính sách tài khóa** | **237.65** | **68.53** | **2.83** |
| Miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí | 63.8 | 18.4 | 0.76 |
| Gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất | 6 | 1.73 | 0.07 |
| Tăng chi đầu tư phát triển | 127.85 | 36.87 | 1.52 |
| Hỗ trợ 2% lãi suất cho DN, HTX, hộ KD | 40 | 11.53 | 0.48 |
| **Chính sách tiền tệ** | **46** | **13.26** | **0.55** |
| Chỉ đạo các TCTD tiếp tục giảm chi phí quản lý để phấn đấu giảm lãi suất cho vay tối thiểu 0,5-1% trong 2 năm | Chưa lượng hóa cụ thể | | |
| Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi |
| Tạo điều kiện để các TCTD đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất từ Chương trình |
| **Chính sách an sinh xã hội** | **53.15** | **15.33** | **0.64** |
| Cho vay ưu đãi thực hiện chính sách hỗ trợ việc làm | 10 | 2.88 | 0.12 |
| Cho cá nhân vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân | 15 | 4.33 | 0.18 |
| Cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên | 3 | 0.87 | 0.04 |
| Bổ sung vay tín dụng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển KTXH vùng Đông bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 | 9 | 2.6 | 0.11 |
| Cho vay ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập | 1.4 | 0.4 | 0.02 |
| Hỗ trợ lãi suất cho vay các khoản vay trên 6%/năm của NH CSXH | 3 | 0.87 | 0.04 |
| Cấp bù lãi suất và phí quản lý cho vay các cơ sở bảo trợ XH, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm | 2 | 0.58 | 0.02 |
| Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm | 3.15 | 0.91 | 0.04 |
| Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động | 6.6 | 1.9 | 0.08 |
| **Chính sách khác** | **10** | **2.88** | **0.2** |
| Phát triển hạ tầng viễn thông, internet | 5 | 1.44 | 0.1 |
| Sử dụng quỹ phát triển KHCN của DN để đối mới công nghệ | 5 | 1.44 | 0.1 |
| **TỔNG** | **346.8** | **100** | **4.05** |

*Nguồn: Nghị Quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP (30/1/2022) và tổng hợp*

Như vậy, từ bảng 1 có thể thấy Chương trình hỗ trợ khôi phục nền kinh tế đang được Chính phủ triển khai rất đồng bộ và đã có sự tính toán kỹ lưỡng tránh sự chồng lấn giữa các giải pháp ở trong cùng một nhóm chính sách hay giữa các nhóm chính sách với nhau. Các chính sách tập trung chủ yếu vào nhóm chính sách tài khóa, trong đó Chính phủ xác định chi cho đầu tư phát triển, miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí và hỗ trợ 2% lãi suất là các giải pháp trọng tâm. Nhờ sự đồng bộ của các giải pháp, chương trình đã thu được một số kết quả khả quan, nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định.

**III. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

**1. Kết quả đạt được**

Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư[[1]](#footnote-1), tính đến ngày 2/9/2022, giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình sơ bộ đạt 55,5 nghìn tỷ đồng, trong đó: (i) Các chương trình cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 10.073 tỷ đồng; (ii) Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đạt 3.045 tỷ đồng cho gần 4,54 triệu lao động; (iii) Giảm thuế giá trị gia tăng, thuế môi trường đối với nhiên liệu bay, xăng đến ngày 26/8/2022 là 34.970 tỷ đồng; (iv) Chi phí cơ hội hỗ trợ thông qua gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất đến hết tháng 6/2022 là 7.400 tỷ đồng. Ngoài ra, gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất là 52.000 tỷ đồng.

Sự phối hợp đồng bộ của các giải pháp nêu trên nhìn chung đã đem đến các kết quả khả quan:

* Các chính sách được ban hành cơ bản phù hợp với diễn biến và tác động của dịch bệnh Covid-19, được cập nhật theo diễn biến của dịch bệnh cũng như tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.
* Qui mô gói hỗ trợ đã được mở rộng hơn nhiều so với năm 2020 và 2022, theo dự kiến qui mô gói hỗ trợ năm 2022 là 4,05% GDP.
* Các chính sách đưa ra đã được tính toán kỹ lưỡng, phối hợp với nhau tốt, không ảnh hưởng lớn đến các cân đối chủ chốt của nền kinh tế, sự an toàn tín dụng của hệ thống ngân hàng, các chỉ số kinh tế vĩ mô được giữ ổn định, nhưng vẫn duy trì dư địa để tiếp tục xây dựng, thực hiện các giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, kinh tế Việt Nam được dự báo có thể tăng trưởng 7,5% trong năm 2022, tăng mạnh so với 2,6% năm 2021. Lạm phát vẫn được kiểm soát tốt: CPI tính chung 8 tháng năm 2022 tăng 2,58%, tương đương cùng kỳ các năm 2018-2021. Thị trường ngoại tệ, tỷ giá hối hối đoái được giữ ổn định (biến động trong phạm vi cho phép với biên độ +/- 2%).
* Tính đến ngày 22/7/2022, gói hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 196,7 tỷ đồng, hỗ trợ cho gần 340 nghìn người lao động đang làm việc trong 3,3 nghìn đơn vị sử dụng lao động; hỗ trợ 5,1 tỷ đồng cho gần 5000 người lao động quay trở lại làm việc tại khoảng 600 doanh nghiệp.
* Thị trường lao động dần phục hồi tích cực, trong 6 tháng đầu năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 51,4 triệu người, cao hơn 0,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước; lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,3 triệu người, tăng 417 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.
* Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được hỗ trợ tối đa để hồi phục và phát triển với sự ra đời của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/08/2021, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, theo đó tập trung vào các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến; và hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Nhìn chung, các chính sách, giải pháp đã rất chủ động, linh hoạt và kịp thời giúp giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, duy trì một mặt bằng tỉ giá, lãi suất hợp lý, cơ bản ổn định so với các nước lớn và trong khu vực đang chịu nhiều biến động, qua đó giúp xu hướng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được củng cố và phát triển tích cực.

**2.** **Một số chính sách cụ thể**

Nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sớm phục hồi trong bối cảnh đại dịch Covid-19, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội và triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình. Theo đó, một số những nhóm giải pháp nhằm hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh bao gồm miễn giảm thuế, phí, lệ phí, giảm tiền thuê và gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất, chính sách hỗ trợ lãi suất ngân hàng. Cụ thể:

***2.1 Chính sách thuế xuất nhập khẩu trong khuôn khổ Nghị quyết 11/NQ-CP***

Liên quan tới miễn giảm thuế xuất nhập khẩu, Nghị quyết 11/NQ-CP đã dẫn chiếu tới Nghị định số 101/2021/NĐ-CP trong Mục 3, Điều 2.

***Việc triển khai thực hiện tại các cơ quan quản lý Nhà nước***

Bộ Tài chính đã triển khai Nghị định 101/2021/NĐ-CP nhằm điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của một số nhóm mặt hàng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 63/NQ-CP và Nghị quyết số 58/NQ-CP. Nghị định đã giúp các cơ quan quản lý rà soát quy định đã thực hiện, rà soát mức thuế suất như nhau đối với những mặt hàng đang có mức thuế suất chênh lệch nhưng thiếu các tiêu chí cụ thể để phân loại, áp mã, qua đó góp phần đơn giản hóa biểu thuế, giảm chi phí giám định cho các doanh nghiệp và hướng tới mục tiêu hạn chế gian lận thương mại.

Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 cũng đã tạo thuận lợi hơn cho các đơn vị nộp thuế từ việc điều chỉnh sửa đổi một số nội dung tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP nhằm đảm bảo các nội dung đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phát triển, coi việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Việc áp dụng điều chỉnh mức thuế suất, hỗ trợ doanh nghiệp là một trong những giải pháp tháo gỡ những vấn đề cấp bách của doanh nghiệp để giải quyết những khúc mắc, tạo đà phục hồi nhanh và phát triển bền vững. Cùng với các hoạt động liên quan đến việc hỗ trợ doanh nghiệp trong việc triển khai các công tác xuất nhập khẩu, các cơ quan quản lý Nhà nước còn hỗ trợ giải quyết việc khan hiếm cung ứng lao động. Việc này sẽ giúp cho doanh nghiệp đảm bảo thực hiện các hợp đồng với đối tác được chắc chắn, ổn định và khả thi.

Đối với khắc phục chuỗi cung ứng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, Bộ Công Thương phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động hỗ trợ đa dạng hóa nguồn cung cấp hàng hóa, tìm kiếm và kết nối đối tác, các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở rộng thị trường trong nước.

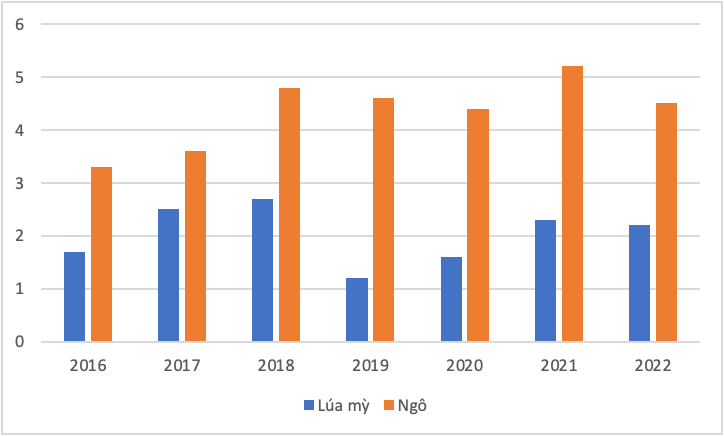
***Việc triển khai thực hiện tại các doanh nghiệp***

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, đại dịch Covid-19 đã khiến cho nhiều ngành sản xuất, kinh doanh trong nước bị ảnh hưởng nặng nề. Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi mới được thực thi đã kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Trong quá trình triển khai các quy định trên thực tế, các doanh nghiệp đã nắm được chủ trương, chính sách của Nhà nước; tận dụng tối đa các ưu đãi được pháp luật quy định để nhập khẩu các mặt hàng phục hồi phát triển sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài. Tuy nhiên, những rào cản pháp lý liên quan đến các loại hàng hóa trong danh mục hàng hóa được hưởng ưu đãi vẫn còn xuất hiện dẫn đến một số trở ngại cho doanh nghiệp. Điều này đang được các đơn vị liên quan đến quá trình xuất nhập khẩu bổ sung các văn bản để tối ưu thời gian, chi phí để đẩy nhanh quá trình thủ tục xuất nhập các loại mặt hàng đã được ghi trong danh mục ưu đãi.

Thời gian vừa qua việc giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng giá đã gây nhiều sức ép cho quá trình sản xuất do phải nhập khẩu 70-85% nguyên liệu từ nước ngoài khi mà ngành nông nghiệp trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất. Các mặt hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi chủ yếu là ngô, lúa mì, đậu tương… mà giá của các mặt hàng này trên thị trường thế giới tăng 20-30% cùng với cước phí vận chuyển tăng cao (Bộ Công thương, 2022). Nghị định 101/2021/NĐ-CP đã điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của lúa mì và ngô, từ đó hỗ trợ rất tốt cho các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi trong việc giảm chi phí đầu vào, hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh.

**Hình 1: Nhập khẩu lúa mỳ và ngô trong 6 tháng đầu năm giai đoạn 2016 – 2022**

**(Đơn vị: Triệu tấn)**



*Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ Tổng cục Thống kê (2022)*

Trong 6 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu mặt hàng lúa mì và ngô vẫn đạt lần lượt là hơn 2,2 triệu tấn và trên 4,5 triệu tấn. Có giảm so với cùng kì năm 2021, tuy nhiên lượng giảm không đáng kể (Hình 1). Điều đó cho thấy mặc dù giá thành của các mặt hàng này tăng lên nhưng nhờ có sự ưu đãi về thuế suất nhập khẩu đã góp một phần giúp nhập khẩu lúa mì và ngô được ổn định, phục vụ tốt công tác sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi.

***Đối với các doanh nghiệp trong ngành sắt, thép***

Việc điều chỉnh giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN với một số mặt hàng sắt thép trong Nghị định 101/2021/NĐ-CP đã góp phần hạ giá thép trong nước, thúc đẩy các doanh nghiệp giảm chi phí theo đúng mục tiêu mà Nghị định hướng tới. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (2022), việc điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu tối huệ quốc đối với mặt hàng thép trước mắt có thể tạo áp lực cho doanh nghiệp sản xuất thép trong nước, nhưng đây cũng là động lực để doanh nghiệp nỗ lực hơn nữa trong việc giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng xuất khẩu sản phẩm, tận dụng cơ hội từ các FTA….

Số liệu về xuất nhập khẩu sắt thép giai đoạn 2014 đến 6 tháng 2022 được thể hiện tại Hình 2. Mặc dù lượng thép nhập khẩu vào thị trường trong nước vẫn duy trì ở mức cao qua các năm; tuy nhiên, giá trị sắt thép xuất khẩu cũng đã tăng trưởng vượt bậc từ 2018 – 2022. Nếu như năm 2020, giá trị xuất khẩu chỉ khoảng 4,5 tỷ USD, thì năm 2021, giá trị xuất khẩu đã tăng lên gần 12 tỷ USD và trong 6 tháng đầu năm 2022 cũng đạt khoảng 5 tỷ USD. Điều đó, cho thấy các doanh nghiệp trong ngành sắt thép đã từng bước tự chủ được công nghệ, tiến hành cải tiến kỹ thuật, xây dựng và điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả, giảm chi phí sản xuất, phát triển các chuỗi giá trị, có khả năng sản xuất phôi thép, thép xây dựng, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng trong nước. Nhiều doanh nghiệp sản xuất được những sản phẩm sắt thép có khả năng cạnh tranh với sắt thép nhập khẩu và xuất khẩu ra nước ngoài (Tổng cục Thống kê, 2022). Kim ngạch xuất nhập khẩu sắt thép tăng trưởng mạnh một phần cũng nhờ các chính sách ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu mà Nhà nước đã ban hành và điều chỉnh trong thời gian qua.

**Hình 2 Giá trị xuất nhập khẩu sắt thép các loại từ 2014 đến tháng 6/2022**

**(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)**

Chart, bar chart

Description automatically generated

*Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ Tổng cục Thống kê*

***Đối với các doanh nghiệp trong ngành sản xuất, lắp ráp ô tô***

Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô trong nước lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam đã được triển khai từ ngày 16/11/2017 đến ngày 31/12/2022. Việc Nghị định 101/2021/NĐ-CP điều chỉnh một số nội dung của chương trình ưu đãi thuế đối với sản xuất, lắp ráp ô tô, trong đó đã sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ xét ưu đãi thuế đã giúp doanh nghiệp có thể linh hoạt lựa chọn kỳ 6 tháng hoặc 12 tháng. Ngoài ra, Nghị định trên cũng đã điều chỉnh điều kiện về sản lượng để tham gia Chương trình ưu đãi thuế cho phù hợp với bối cảnh mới, trên cơ sở đó, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô trong nước.

Trên thực tế, chương trình ưu đãi thuế đã khiến một số doanh nghiệp trong nước tiếp tục quay trở lại đầu tư để sản xuất, lắp ráp một số dòng xe đã dừng sản xuất trước đó. Một số doanh nghiệp đã đầu tư thêm trang thiết bị để tăng công suất và năng lực sản xuất để cung cấp cho nhu cầu thị trường trong nước.

Thêm nữa, việc Nghị định 101/2021/NĐ-CP kéo dài thời gian thực hiện Chương trình ưu đãi đến 31/12/2027 đã giúp các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô có thể chủ động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh trong các năm tiếp theo, góp phần phát triển ngành công nghiệp ô tô trong nước theo định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

***2.2 Gia hạn thời gian đóng thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, giảm thuế giá trị gia tăng***

Theo quy định tại [Nghị định 34/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-34-2022-ND-CP-gia-han-nop-thue-gia-tri-gia-tang-thu-nhap-doanh-nghiep-ca-nhan-tien-thue-dat-2022-510087.aspx), gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 3 [Nghị định 34/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-34-2022-ND-CP-gia-han-nop-thue-gia-tri-gia-tang-thu-nhap-doanh-nghiep-ca-nhan-tien-thue-dat-2022-510087.aspx). Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Nghị định 34/2022/NĐ-CP cũng quy định cụ thể gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế GTGT phát sinh phải nộp, bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, II năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được gia hạn. Thời gian gia hạn nộp thuế GTGT từ 03 đến 06 tháng.

Với việc giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính phủ, ước tính khoảng 25,685 nghìn tỷ đồng. Việc giảm thuế GTGT nhìn chung đã tạo cho doanh nghiệp những lợi thế về tiết kiệm chi phí thuế nhưng lại làm tăng chi phí tuân thủ thuế của doanh nghiệp (bao gồm tăng chi phí thời gian xử lý của kế toán và chi phí sử dụng hóa đơn) vì đối với cùng một khách hàng, thay vì lập 01 hóa đơn ghi nhiều thuế suất khác nhau (5%, 8%, 10%) thì doanh nghiệp phải lập 02 hóa đơn: 01 hóa đơn ghi thuế suất 8% và 01 hóa đơn ghi các thuế suất khác (5%, 10%). Chính vì vậy, để tháo gỡ các vướng mắc trong việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, đảm bảo phù hợp với các nội dung trên hóa đơn, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP để sửa đổi một vài điểm trong Nghị định 15/2022/NĐ-CP nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong xử lý hành chính đối với các khoản giảm thuế GTGT trên hóa đơn.

***2.3 Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất trong năm 2022***

Về nội dung gia hạn tiền nộp thuê đất, Nghị định 34/2022/NĐ-CP về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022, được ban hành ngày 28 tháng 5 năm 2022, đã cụ thể hoá nội dung liên quan đến gia hạn tiền thuê đất được nêu trong Nghị quyết 43/2022/QH15 và Nghị quyết 11/NQ-CP. Theo đó thực hiện gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2022.

Dự kiến số tiền thuê đất, thuê mặt nước được gia hạn khoảng 3.500-3.700 tỷ đồng. Tuy nhiên, số thu NSNN của năm 2022 không giảm do doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh phải thực hiện nộp vào NSNN trước ngày 30/11/2022.

Việc ban hành Nghị định 34/2022/NĐ-CP cụ thể hoá nội dung về gia hạn thời gian nộp tiền thuê đất nêu trong Nghị quyết 11/NQ-CP có hiệu lực kể từ ngày ký được đánh giá là kịp thời hỗ trợ cho doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động. Theo quy định trên, khi gia hạn nộp thuế có thể bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác và chỉ cần nộp một lần theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với toàn bộ các kỳ của các sắc thuế. Tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2022, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Dự kiến số tiền thuê đất, thuê mặt nước được gia hạn khoảng 3.500-3.700 tỷ đồng. Tuy nhiên đến hết tháng 6/2022, quy mô chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất ước thực chi đã là 7.400 tỷ đồng.[[2]](#footnote-2) Ngoài ra gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất đạt 52 nghìn tỷ đồng. Số tiền được gia hạn này góp phần bổ sung vào dòng vốn ngắn hạn của các doanh nghiệp thuộc diện được gia hạn tiền thuê đất, thuê mặt nước để đầu tư phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

***2.4 Giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022***

Giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trước đó trong các năm 2020 và 2021 đã có các văn bản liên quan đến hỗ trợ tiền thuê đất cho doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19, cụ thể là:

* Nghị quyết 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 ban hành 29 tháng 5 năm 2020.
* Quyết định 27/2021/QĐ-TTg Về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2021.

So sánh với Quyết định 27/2021/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Nghị quyết 11/NĐ-CP có điểm mới quan trọng liên quan đến hỗ trợ thuê đất là bổ sung thêm đối tượng thụ hưởng là đối tượng thuê mặt nước. Thông qua việc mở rộng đối tượng thụ hưởng, Nghị quyết 11/NQ-CP được kì vọng có thể giúp hỗ trợ nhiều hơn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Theo thống kê của Bộ Tài chính, kết quả thực hiện giảm tiền thuê đất trong năm 2021 theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là khoảng 3.433 tỷ đồng. Trên cơ sở kết quả đã thực hiện của năm 2021, trường hợp thực hiện chính sách giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo đề xuất nêu trên thì số tiền thuê đất, thuê mặt nước dự kiến giảm khoảng 3.500 tỷ đồng.[[3]](#footnote-3)

Về thủ tục, Bộ Tài chính đề xuất đơn giản hoá thủ tục theo cơ chế tự khai, tự nộp giúp tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện, hạn chế tình trạng xin cho khi phải xin xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.[[4]](#footnote-4)

Tuy nhiên cho đến nay dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết 11/NQ-CP vẫn chưa được ban hành. Để chính sách sớm đi vào cuộc sống giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh hồi phục phát triển kinh tế, việc ban hành văn bản hướng dẫn cần được thực hiện đồng bộ nhanh chóng hơn, vì thời điểm hiện nay đã bước vào quý III/2022.

***2.5 Chính sách hỗ trợ lãi suất 2% trong hai năm 2022-2023 thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại***

Chính sách hỗ trợ lãi suất là một trong những nội dung tại Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, được ban hành tại Quyết định số 422/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch là điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tích cực quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều hành tín dụng đáp ứng kịp thời vốn cho sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Đồng thời, triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong hai năm 2022-2023 thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Ngày 20/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-NHNN hướng dẫn các ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định.

Sau hơn 3 tháng triển khai Nghị định 31 về hỗ trợ 2% lãi suất từ ngân sách nhà nước (với 40.000 tỉ đồng trong năm 2022 và 2023), doanh số cho vay hỗ trợ lãi suất mới đạt gần 4.100 tỉ đồng với gần 550 khách hàng. Số tiền lãi đã hỗ trợ đạt chỉ 1 tỉ đồng, dư nợ được hỗ trợ lãi suất là 3.966 tỉ đồng. Ngân hàng hết “room”, khách hàng doanh nghiệp không mặn mà vì khó tiếp cận, nhiều doanh nghiệp từ chối vì sợ bị thanh tra, doanh nghiệp vừa và nhỏ thì không có tài sản bảo đảm.

**3. Một số tồn tại, khó khăn trong việc triển khai Chương trình**

***Thứ nhất, chính sách tốt nhưng điều kiện quá bất cập, doanh nghiệp khó thụ hưởng, chưa kịp thời điều chỉnh các bất cập***. Ví dụ: Việc tiếp cận nguồn vốn rẻ với chính sách hỗ trợ lãi suất 2% khá khó khăn do doanh nghiệp khó đáp ứng được các điều kiện cho vay. Có doanh nghiệp không được giải ngân vì không có tài sản thế chấp, trong khi ngân hàng kiên quyết không hạ chuẩn cho vay. Có hộ kinh doanh dịch vụ thu nhập thấp, song không thể tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất 2%, vì lý do tỉnh đó chưa quy định mức thu nhập bao nhiêu là thấp. Có hợp tác xã đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 2%, nhưng không có hóa đơn đỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính, mà chỉ có hóa đơn bán lẻ, hợp đồng mua bán. Ngoài các vướng mắc nêu trên, một nguyên nhân khác khiến khách hàng vay vốn e ngại tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất 2% là tham gia chương trình hỗ trợ lãi suất sẽ phải làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Ví dụ về việc điều chỉnh chính sách chưa kịp thời: Nghị định 15/2022/ NĐ-CP ban hành ngày 28/01/2022 còn một vài điểm gây khó khăn cho doanh nghiệp về thực hiện nhưng phải đến tháng 20/6/2022 mới ban hành Nghị định 41/2022/ NĐ-CP tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tiếp cận ưu đãi giảm thuế GTGT. Như vậy, doanh nghiệp vẫn loay hoay và tăng chi phí tuân thủ thuế trong vòng 6 tháng.

***Thứ hai, các thủ tục hành chính còn rất rườm rà, phức tạp, làm giảm hiệu quả của chính sách, đặc biệt là có quá nhiều giấy phép con liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp***. Tuy công cuộc cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam đã có nhiều tiến triển, tuy nhiên mức độ phức tạp còn rất lớn, dẫn đến việc các chính sách tại Việt Nam có tính ứng dụng không cao, hoặc gây khó khăn cho hoạt động doanh nghiệp. Các điều kiện để được hưởng chính sách chưa rõ ràng, các mục tiêu chưa được cụ thể, đặc biệt nhóm giải pháp thuộc chính sách tiền tệ. Ví dụ: Để nhận một khoản tiền nhỏ hỗ trợ Covid-19, người lao động phải hoàn thiện quá nhiều hồ sơ giấy tờ phức tạp, dẫn tới họ không có động lực thực hiện việc này. Ngoài ra, các hộ kinh doanh tuy là đối tượng thực sự khó khăn và mong muốn được giảm lãi vay, lại khó tiếp cận chính sách vay hỗ trợ lãi suất 2% do điều kiện phải có giấy phép đăng ký kinh doanh.

***Thứ ba, các chính sách đa số được thiết kế và thực thi theo hướng bình quân hóa giữa các địa phương, ngành nghề, quy mô, mà ít tính đến mức độ ảnh hưởng và khả năng chống chịu giữa các ngành nghề cũng như các doanh nghiệp***. Ví dụ: Để đẩy nhanh tiến độ triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2%, đối tượng thụ hưởng chính sách này cần được mở rộng. Cụ thể, chính sách nên hỗ trợ lãi suất cả đồng ngoại tệ cho những doanh nghiệp xuất khẩu. Thực tế, có những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản thuộc nhóm ngành được hỗ trợ lãi suất nhưng họ chỉ vay bằng ngoại tệ.

***Thứ tư, liều lượng chính sách còn khiêm tốn, cùng với đó là số lượng đối tượng được hỗ trợ quá nhiều, nên lợi ích từ chính sách bị dàn trải****.*

Qui mô gói hỗ trợ kinh tế của Việt Nam đã tăng lên tương đối lớn năm 2022 (bằng 4,05% GDP dự kiến). Tuy nhiên, tổng quy mô gói hỗ trợ tài khóa - tiền tệ của Việt Nam trong thời gian qua thấp hơn mức trung bình toàn thế giới khoảng 16% GDP, các nước mới nổi khoảng 7,5% GDP và các nước thu nhập thấp khoảng 4,28% GDP. Ngoài ra, như trong Bảng 1 chúng ta thấy rằng, riêng chi cho đầu tư phát triển đã chiếm hơn 1/3 tổng giá trị các gói hỗ trợ (chiếm đến 36,87%). Bên cạnh đó, các chính sách còn có sự mâu thuẫn, hạn chế lẫn nhau (công bố gói hỗ trợ lãi suất nhưng giới hạn mức tín dụng), đối tượng thụ hưởng chưa tập trung vào đúng đối tượng cần hỗ trợ (khi các tiêu chí xét duyệt hưởng các gói hỗ trợ chủ yếu lại tập trung vào các doanh nghiệp lớn, “khỏe mạnh”, tài chính tốt), thời gian giãn, hoãn thuế, phí, tiền thuê đất cho doanh nghiệp rất ngắn nên phần doanh nghiệp được hỗ trợ rất nhỏ (dù được kéo dài thêm 01 tháng từ 5 tháng lên 6 tháng).

**IV. Nguyên nhân vướng mắc triển khai**

## 1. Từ phía chính sách Nhà nước:

*Thứ nhất, chính sách nhà nước trong một số trường hợp đưa ra các tiêu chí phi thực tế, không sát đối với hoạt động doanh nghiệp*.

Ví dụ: Nhóm doanh nghiệp phải đảm bảo quá nhiều tiêu chí trước khi được ngân hàng cho vay ưu đãi như phải có lãi ròng trong 3 năm hoạt động hay có tài sản thế chấp lớn v.v…. Hoặc trong Nghị định 94/2012/NĐ-CP ban hành ngày 12/11/2012 có quy định giấy phép kinh doanh bán buôn rượu được xác định trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc không quá một (01) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu trên một trăm nghìn dân trong khi nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của ngành này rất cao, dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải hoạt động chui trong lĩnh vực này.

*Thứ hai, trong một số trường hợp, các văn bản luật khi được ban hành quá mơ hồ, thiếu hướng dẫn cụ thể, hoặc có quá nhiều văn bản hướng dẫn chồng chéo*, khiến cho nhóm ngân hàng và doanh nghiệp khó khăn trong việc hiểu ý các văn bản luật, làm các chủ thể kinh tế này không thể triển khai một cách quyết liệt, rõ ràng.

*Thứ ba, các văn bản luật chưa được cập nhật thường xuyên theo thực tế phát triển kinh tế, xã hội*. Nhiều văn bản luật chậm cập nhật gây khó khăn cho hoạt động doanh nghiệp.

Ví dụ: thời kỳ đầu sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, vẫn có địa phương đề nghị doanh nghiệp áp dụng phương án "một cung đường, hai điểm đến" như thời kỳ dịch phức tạp làm khó khăn cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp[[5]](#footnote-5). Một ví dụ khác là Luật đất đai 2013 đang cần được cập nhật và sửa đổi, để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng gặp khó khăn trong việc phải thực hiện nhiều mục tiêu cùng lúc: Tăng trưởng kinh tế - Kiềm chế làm, ổn định sản xuất, kinh doanh - Phòng chống dịch bệnh, tăng quy mô hỗ trợ - Đảm bảo an toàn tín dụng, …

## 2. Từ phía tổ chức hành chính

+ C*ó quá nhiều giấy phép con không phù hợp vẫn tồn tại*. Giấy phép con là yếu tố quan trọng để quản lý hoạt động các doanh nghiệp, tuy nhiên có nhiều giấy phép con đã không còn hợp lý nhưng vẫn không bị loại bỏ.

Ví dụ: Điều 6 Thông tư 42/2017/TT-BGTVT yêu cầu xe từ 09 đến dưới 24 chỗ cần có thùng đựng rác trên xe. Tuy nhiên đây chỉ là yếu tố chất lượng phục vụ, không có ý nghĩa ảnh hưởng tới an toàn giao thông của xe nên không mang ý nghĩa cần thiết mà gây phiền hà cho người chủ xe, gây ảnh hưởng tới lưu thông hàng hóa và hành khách[[6]](#footnote-6).

+ *Sự chậm trễ trong quá trình phê duyệt các thủ tục hành chính.* Đây là nguyên nhân khiến giải pháp hỗ trợ 2% lãi suất tính đến hết tháng 8/2022 mới đạt 13,5 tỷ đồng trong tổng số 40 nghìn tỷ đồng dự kiến chi. Một trong các nguyên nhân là do các ngân hàng thương mại còn ngần ngại khi một số chương trình hỗ trợ lãi suất trước đây chưa được quyết toán chi phí.

+ *Thiếu sự quyết liệt trong quá trình thực thi các nhóm giải pháp của một số cơ quan hành chính.* Chính điều này đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả của chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động khi tính đến 02/9/2022 mới giải ngân được 3.045 tỷ đồng trong 6.600 tỷ đồng của gói hỗ trợ (chưa đạt 50%). Tương tự gói chi đầu tư phát triển, đến 27/8/2022, có tới 03 bộ và 57 địa phương vẫn chưa báo cáo việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo văn bản 681/TTg-KTTH ngày 01/8/20222[[7]](#footnote-7).

**3. Từ phía doanh nghiệp**

Hạn chế của doanh nghiệp trong nhận thức và lựa chọn gói ưu đãi phù hợp. Mặc dù các cơ quan nhà nước đã truyền thông tương đối mạnh mẽ về các gói hỗ trợ, tuy nhiên doanh nghiệp cần những hướng dẫn chi tiết để tiếp cận các gói. Các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp nhiều hạn chế trong tiếp cận thông tin hướng dẫn về thủ tục hành chính để được hưởng các ưu đãi này. Các doanh nghiệp này còn tiếp cận thông tin thụ động, chưa tối ưu hóa các nguồn hỗ trợ, chưa sử dụng các dịch vụ hỗ trợ phù hợp như dịch vụ lập kế hoạch thuế dẫn đến các gói ưu đãi mà doanh nghiệp tiếp cận còn hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp còn chưa tận dụng triệt để các nguồn lực bên ngoài nhằm tư vấn hỗ trợ để đạt được các gói ưu đãi. Việc doanh nghiệp tự tìm hiểu và tiếp cận sẽ mất nhiều thời gian hơn và đôi khi chi phí cơ hội sẽ lớn hơn so với việc tiếp cận các tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp nhằm có những lựa chọn hợp lý nhất để cải thiện tài chính và tận dụng các gói hỗ trợ.

Tuy nhiên, cần lưu ý để các doanh nghiệp có thể được hỗ trợ tốt hơn nếu có chính sách ưu đãi với các doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như dịch vụ tư vấn tái cấu trúc, tư vấn thuế, tư vấn tài chính. Chính các doanh nghiệp này sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp thụ hưởng tiếp cận đúng và trúng các gói hỗ trợ kinh tế.

**V. Đề xuất, giải pháp**

**1. Kiến nghị với Nhà nước**

*- Giải pháp 1:* Lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về tính khả thi, dễ tiếp cận của chính sách, kể cả khi chính sách đã ban hành vẫn nên tiếp thu và có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn; Tăng cường thông tin, truyền thông đưa các giải pháp đến gần hơn các đối tượng cần được hỗ trợ; Cần xác định đúng, chính xác các đối tượng cần hỗ trợ, tìm ra các đối tượng có khả năng dẫn dắt ngành, lĩnh vực để tập trung hỗ trợ.

- *Giải pháp 2:* Rà soát các tiêu chí liên quan tới điều kiện đánh giá các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19, chỉnh sửa các tiêu chí sao cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, tránh tối đa hiện tượng các doanh nghiệp cần vốn, nhà nước có vốn hỗ trợ nhưng lại không thể giải ngân.

- *Giải pháp 3*: Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính hỗ trợ doanh nghiệp, bao gồm cả thủ tục tư vấn, thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa và trong một số lĩnh vực quan trọng như nông nghiệp, nông thôn, dịch vụ vận tải, logistics.

- *Giải pháp 4:* Đề xuất tạm dừng thanh kiểm tra để doanh nghiệp, đặc biệt là thanh kiểm tra thủ tục hành chính, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp đã được lên kế hoạch từ đầu năm (trừ trường hợp có dấu hiệu xâm phạm lợi ích nhà nước và vi phạm hình sự), để doanh nghiệp tập trung nguồn lực vào hồi phục các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường hậu kiểm và giảm tiền kiểm nhằm đảm bảo doanh nghiệp tập trung nguồn lực tối đa để vượt qua giai đoạn then chốt này và phục hồi.

- *Giải pháp 5:* Tăng tốc số hóa, xây dựng hệ thống dữ liệu lớn trong quản lý hành chính, tích hợp các loại giấy tờ lên cùng một hệ thống để giúp các cơ quan hành chính thuận tiện hơn trong việc quản lý doanh nghiệp và công dân, từ đó hỗ trợ được doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình; bổ sung các giải pháp phi tài chính: Cải cách thể chế, đơn giản thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, …

**2. Kiến nghị với các cơ quan tổ chức hành chính khác**

*- Kiến nghị 1*: Tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ nhưng phải đảm bảo có hướng đích và có mục tiêu. Dư địa cho các chính sách tài khóa vẫn có nhiều do tổng thu ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2022 ước đạt 1.208,2 nghìn tỷ đồng, bằng 85,6% dự toán năm và thặng dự 251,7 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững cho cân bằng tài chính của quốc gia, các chính sách cần được đánh giá và xác định chiến lược dài hạn hơn. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp gia hạn thuế chứ không miễn giảm thuế nhất là với thuế TNDN. Không lựa chọn giảm thuế theo tiêu chí quy mô doanh thu như năm 2020[[8]](#footnote-8) và 2021 vì có thể tạo ra bất bình đẳng khi hỗ trợ cho cả những doanh nghiệp đang được hưởng lợi từ dịch bệnh. Giảm thuế, giảm tiền thuê đất sẽ làm tăng gánh nặng ngân sách.

*- Kiến nghị 2:* Cần rà soát cụ thể lại các chính sách quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của doanh nghiệp, tháo bỏ các giấy phép con không phù hợp và cập nhật các chính sách cũ, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay; Chi tiết, cụ thể hơn các chính sách bằng các thông tư, hướng dẫn, văn bản cụ thể giúp các đối tượng thực thi được thuận tiện trong quá trình thực hiện.

*- Kiến nghị 3:* Các hỗ trợ trực tiếp cần được chuyển dần sang hỗ trợ gián tiếp, hỗ trợ về tài chính chuyển sang hỗ trợ về cơ chế, hỗ trợ dàn trải sang hỗ trợ số ít các đối tượng còn chịu ảnh hưởng lâu dài của đại dịch, thúc đẩy phát biển bền vững.

- *Kiến nghị 4*: Nêu cao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị nếu việc triển khai các chính sách do yếu tố chủ quan, e ngại trách nhiệm, chậm trễ trong quá trình thực thi chính sách.

*- Kiến nghị 5:* Các bộ ngành, địa phương nhanh chóng hoàn thành phương án đầu tư, các thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công đối danh mục dự án được UBTVQH thông qua để nhanh chóng triển khai cấu phần Cấu phần đầu tư cơ sở hạ tầng…v.v.

Từ các phân tích này, có thể thấy các chính sách của Việt Nam trong thời gian tới cần đảm bảo tính hợp lý, cân đối đa chiều giữa kinh tế, xã hội và môi trường, giữa ngắn hạn và dài hạn. Các phân tích trên cho thấy các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội đã đạt được những thành tựu không nhỏ, tuy nhiên vẫn cần có những điều chỉnh cả trong ngắn hạn và dài hạn theo hướng: (i) Các chính sách phải xây dựng trên nguyên tắc can thiệp có mục tiêu; (ii) Không thực hiện các chính sách hỗ trợ hay can thiệp đại trà, (iii) Các chính sách cần xác định rõ thời kỳ áp dụng để đảm bảo tính linh hoạt (nghĩa là có lộ trình khi nào áp dụng, kết thúc khi nào và kế tiếp chính sách nào), (iv) Ưu tiên hỗ trợ các nhóm ngành trong các lĩnh vực tạo bệ đỡ kinh tế, có ảnh hưởng lớn đến các ngành khác (logistic, ngành nguyên liệu…)./.

1. Tờ trình số 6195/TTr-BKHĐT ngày 4 tháng 9 năm 2022 về tình hình kinh tế-xã hội tháng 08 và 08 tháng năm 2022; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội; phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn NSNN năm 2022; thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. [↑](#footnote-ref-1)
2. https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=55203&idcm=188 [↑](#footnote-ref-2)
3. https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tiep-tuc-gia-han-thoi-han-nop-thue-va-tien-thue-dat-tac-dong-lon-hieu-qua-kep-103323.html [↑](#footnote-ref-3)
4. https://thoibaotaichinhvietnam.vn/bo-tai-chinh-de-xuat-giam-3500-ty-dong-tien-thue-dat-thue-mat-nuoc-103594.html [↑](#footnote-ref-4)
5. https://laodong.vn/kinh-te/loai-giay-phep-con-de-go-kho-doanh-nghiep-giup-hang-hoa-thong-suot-964663.ldo [↑](#footnote-ref-5)
6. https://nld.com.vn/kinh-te/xe-du-lich-khong-co-rem-chong-nang-thung-dung-rac-bi-phat-3-5-trieu-dong-20190525154916728.htm [↑](#footnote-ref-6)
7. Báo cáo số: 6198/BC-BKHĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2022 của Bộ Kế hoạch đầ tư [↑](#footnote-ref-7)
8. Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (Giảm 30% thuế TNDN cho đơn vị có quy mô doanh thu dưới 200 tỷ [↑](#footnote-ref-8)